

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/DS-ST

Ngày: 12 – 9 – 2025

*“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ.

2. Bà Đào Đức Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số nhà B đường L, phường G, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2025) (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà D đường N, khóm A, phường V, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Bà Trần Tuyết T1, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, phường K, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2025 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền bà Huỳnh Ngọc T trình bày:

Ngày 20/10/2011, Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (gọi tắt là Ngân hàng) với bà Trần Tuyết T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LAV201102895 ngày 20/10/2011. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho bà Trần Tuyết T1 vay số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo hai lần nhận nợ, cụ thể là:

- Giấy nhận nợ ngày 20/10/2011 số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng).
- Giấy nhận nợ ngày 09/11/2011 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Mục đích vay để cải tạo đất, mua con giống, thức ăn nuôi tôm; lãi suất 18,5%/năm; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Trần Tuyết T1 đã tự nguyện giao cho Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645513 đối với có diện tích là 25.636m² tại thửa đất số 86,89 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ); do hộ ông Lưu Hòa L đứng tên; hai bên không có ký hợp đồng thế chấp.

Tính đến ngày 12/9/2025, bà Trần Tuyết T1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 147.202.071đ (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm lẻ hai nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền nợ gốc là nợ gốc là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng), lãi trong hạn là 88.183.671đ (tám mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng) và lãi quá hạn là 26.018.400đ (hai mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà T1 yêu cầu thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên, tuy nhiên bà T1 vẫn không thực hiện.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Tuyết T1 phải thanh toán số nợ nêu trên. Đồng thời, bà T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng từ ngày 13/9/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Trần Tuyết T1 trình bày: Bà T1 thừa nhận vào năm 2011, bà T1 có vay của Ngân hàng số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) theo hai lần nhận nợ, cụ thể là:

- Giấy nhận nợ ngày 20/10/2011 số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng).

- Giấy nhận nợ ngày 09/11/2011 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Mục đích vay để cải tạo đất, mua con giống, thức ăn nuôi tôm; lãi suất 18,5%/năm; thời hạn vay là 12 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Trần Tuyết T1 đã tự nguyện giao cho Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645513 đối với có diện tích là 25.636m² tại thửa đất số 86,89 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ); do hộ ông Lưu Hòa L đứng tên; hai bên không có ký hợp đồng thế chấp. Do làm ăn thua lỗ nên bà T1 không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 12/9/2025, bà Trần Tuyết T1 còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 147.202.071đ (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm lẻ hai nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền nợ gốc là nợ gốc là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng), lãi trong hạn là 88.183.671đ (tám mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng) và lãi quá hạn là 26.018.400đ (hai mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng) đúng như lời người đại diện Ngân hàng trình bày. Bà T1 xin Ngân hàng gia hạn cho bà, nuôi tôm trúng thì bà T1 mới có khả năng trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Trần Tuyết T1 cư trú tại ấp Đ, phường K, thành phố Cần Thơ. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.1] Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số LAV201102895 ngày 20/10/2011. Bà T1 vay số tiền là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng); mục đích vay để cải tạo đất, mua con giống, thức ăn nuôi tôm. Nội dung của hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định hợp đồng tín dụng số LAV201102895 ngày 20/10/2011 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân và bà T1 đã nhận đủ tiền vay là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng). Như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[2.1.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số LAV201102895 ngày 20/10/2011 có lãi suất thỏa thuận là 18,5%/năm. Đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 13/9/2025, bà T1 còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.2] Mặc dù bị đơn có giao cho Ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645513 đối với có diện tích là 25.636m² tại thửa đất số 86,89 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ); do hộ ông Lưu Hòa L đứng tên; tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng và bị đơn Trần Tuyết T1 không có ý kiến gì về việc giao cho nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà Trần Tuyết T1 phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 295, 303, 325, 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Trần Tuyết T1, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn bà Trần Tuyết T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày 12/9/2025 tổng cộng là 147.202.071đ (một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm lẻ hai nghìn không trăm bảy mươi một đồng) trong đó tiền nợ gốc là nợ gốc là 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng), lãi trong hạn là 88.183.671đ (tám mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng) và lãi quá hạn là 26.018.400đ (hai mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn bốn trăm đồng).

Đồng thời bà Trần Tuyết T1 còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 13/9/2025 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Tuyết T1 phải chịu là 7.360.103đ (bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm lẻ ba đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.632.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001639 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
 - TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU